



Hải Phòng, ngày 20 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC THÔNG QUA CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025 ĐÃ KIỂM TOÁN

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp ngày 17/06/2025;
Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng;
Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo tài chính tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

*(Bản đầy đủ đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử
<https://ptshaiphong.petrokimex.com.vn>)*

Để thuận tiện cho việc theo dõi, Hội đồng quản trị gửi kèm Tờ trình là Bản rút gọn của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông (để xin ý kiến);
- HĐQT, Ban kiểm soát;
- Lưu VPHĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Đào Thanh Liêm

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đào Thanh Liêm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Thủy	Thành viên
Ông Lâm Việt Hồng	Thành viên
Ông Trịnh Chiến Trinh	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Trường	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Thủy	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Chiến Chinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Trường	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Trọng Thủy
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Số: 32/2026/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16/3/2026, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán độc lập được dịch sang tiếng Anh từ bản báo cáo phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ tiếng Việt.



Vũ Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1436-2023-055-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hải Phòng, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Thoa
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5264-2025-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B01 - DN/HN
Đơn vị tính: VND
01/01/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	
			31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		47.221.109.957	44.773.330.824
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.518.633.240	3.809.921.091
1. Tiền	111	5	7.518.633.240	3.809.921.091
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.669.781.510	16.047.168.513
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7.1	14.757.767.543	14.509.854.001
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.056.399.094	154.980.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6.1	1.949.411.183	1.467.402.301
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.093.796.310)	(85.067.789)
III. Hàng tồn kho	140		19.678.838.160	23.627.191.268
1. Hàng tồn kho	141	10	19.678.838.160	23.627.191.268
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.353.857.047	1.289.049.952
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.1	338.743.513	318.948.957
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18.2	2.015.113.534	970.100.995
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		176.100.847.602	180.650.282.677
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		87.500.000	97.500.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7.2	70.000.000	80.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	6.2	17.500.000	17.500.000
II. Tài sản cố định	220		131.512.290.426	156.772.225.228
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	131.512.290.426	156.772.225.228
- Nguyên giá	222		389.964.329.537	389.535.221.539
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(258.452.039.111)	(232.762.996.311)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		13.731.411.351	59.984.973
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	13.731.411.351	59.984.973
IV. Tài sản dài hạn khác	260		30.769.645.825	23.720.572.476
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.2	30.624.541.314	23.811.705.932
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	145.104.511	(91.133.456)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		223.321.957.559	225.423.613.501

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B01 - DN/HN
Đơn vị tính: VND
01/01/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		118.870.323.027	127.930.478.677
I. Nợ ngắn hạn	310		83.570.358.367	83.630.994.757
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	20.932.742.997	32.430.579.082
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		659.801.471	1.375.620.989
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18.1	1.060.781.513	1.110.002.823
4. Phải trả người lao động	314		14.073.318.474	6.889.435.645
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	52.568.567	56.013.759
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	2.749.370.666	4.490.400.502
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19.1	42.869.157.293	36.804.764.571
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.172.617.386	474.177.386
II. Nợ dài hạn	330		35.299.964.660	44.299.483.920
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		16.826.133.920	15.462.483.920
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19.2	18.473.830.740	28.837.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		104.451.634.532	97.493.134.824
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	104.451.634.532	97.493.134.824
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20a	55.680.000.000	55.680.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		55.680.000.000	55.680.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	6.024.502.460	6.024.502.460
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	18.697.189.166	18.697.189.166
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20b	24.049.942.906	17.091.443.198
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13.221.335.302	13.270.134.087
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.828.607.604	3.821.309.111
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		223.321.957.559	225.423.613.501

Người lập biểu



Phạm Thị Hạnh

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thu Trang

Hải Phòng, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Thủy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2025

Mẫu số B02 - DN/HN
Đơn vị tính: VND
Năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	368.507.737.620	381.961.444.967
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	368.507.737.620	381.961.444.967
4. Giá vốn hàng bán	11	23	315.633.674.540	338.592.682.078
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		52.874.063.080	43.368.762.889
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	18.217.707	17.460.664
7. Chi phí tài chính	22	25	4.385.823.444	8.166.369.710
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.877.940.477	4.541.156.884
8. Chi phí bán hàng	25	26.1	5.897.500.475	4.967.518.266
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.2	28.988.686.904	25.991.281.516
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		13.620.269.964	4.261.054.061
11. Thu nhập khác	31	27	235.292.953	1.470.148.703
12. Chi phí khác	32	28	273.919.661	731.021.773
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(38.626.708)	739.126.930
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13.581.643.256	5.000.180.991
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	3.075.381.515	1.050.517.507
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	(322.345.863)	128.354.373
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		10.828.607.604	3.821.309.111
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		10.828.607.604	3.821.309.111
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.945	507

Người lập biểu



Phạm Thị Hạnh

Kế toán trưởng



Phạm Thị Thu Trang

Hải Phòng, ngày 16 tháng 3 năm 2026



Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Thủy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2025

Mẫu số B03 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.581.643.256	5.000.180.991
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	11	25.689.042.800	25.372.162.930
- Các khoản dự phòng	03	8	1.008.728.521	85.067.789
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(18.217.707)	(1.278.493.217)
- Chi phí lãi vay	06	25	3.877.940.477	4.541.156.884
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		44.139.137.347	33.720.075.377
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.870.832.184)	10.955.032.811
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.948.353.108	(6.315.989.992)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.284.291.168)	(15.849.076.259)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(6.832.629.938)	2.248.250.250
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.882.461.306)	(4.561.504.795)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	18	(4.019.783.900)	(619.060.690)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(301.560.000)	(649.559.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.895.931.959	18.928.167.502
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.131.218.579)	(7.990.310.235)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.261.032.553
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	18.217.707	17.460.664
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.113.000.872)	(6.711.817.018)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		77.749.637.224	68.173.132.647
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(82.048.413.762)	(84.504.368.076)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.775.442.400)	(1.110.176.960)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.074.218.938)	(17.441.412.389)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		3.708.712.149	(5.225.061.905)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	3.809.921.091	9.034.982.996
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	5	7.518.633.240	3.809.921.091

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2025.

Người lập biểu

Phạm Thị Hạnh

Kế toán trưởng

Phạm Thị Thu Trang

Hải Phòng, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Thùy

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đào Thanh Liêm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Thủy	Thành viên
Ông Lâm Việt Hồng	Thành viên
Ông Trịnh Chiến Trinh	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Trường	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Thủy	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Chiến Chinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Trường	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Trọng Thủy
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Số: 31/2026/KT-AV3-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16/3/2026, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán độc lập được dịch sang tiếng Anh từ bản báo cáo phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ tiếng Việt.



Vũ Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
1436-2023-055-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hải Phòng, ngày 16 tháng 3 năm 2026

A blue ink signature of Nguyễn Thị Thoa.

Nguyễn Thị Thoa
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5264-2025-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND
01/01/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43.728.666.466	41.816.884.457
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.095.060.985	3.752.030.573
1. Tiền	111	5	7.095.060.985	3.752.030.573
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.055.626.139	14.248.349.541
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7.1	12.252.508.536	12.736.435.029
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.056.202.730	154.980.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.1	1.840.711.183	1.442.002.301
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.093.796.310)	(85.067.789)
III. Hàng tồn kho	140		19.244.941.450	22.548.273.546
1. Hàng tồn kho	141	11	19.244.941.450	22.548.273.546
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.333.037.892	1.268.230.797
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.1	338.743.513	318.948.957
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16.2	1.994.294.379	949.281.840
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		181.784.599.227	185.267.156.428
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		87.500.000	97.500.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7.2	70.000.000	80.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	8.2	17.500.000	17.500.000
II. Tài sản cố định	220		132.724.821.905	158.076.426.958
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	132.724.821.905	158.076.426.958
- Nguyên giá	222		389.948.811.714	389.519.703.716
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(257.223.989.809)	(231.443.276.758)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.254.704.654	59.984.973
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	14.254.704.654	59.984.973
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.353.168.679	2.247.110.928
1. Đầu tư vào công ty con	251	6.1	5.000.000.000	5.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6.2	(2.646.831.321)	(2.752.889.072)
V. Tài sản dài hạn khác	260		32.364.403.989	24.786.133.569
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.2	32.364.403.989	24.786.133.569
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		225.513.265.693	227.084.040.885

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND
01/01/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		117.708.711.542	127.139.826.047
I. Nợ ngắn hạn	310		82.408.746.882	82.840.342.127
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	20.958.888.849	32.634.904.636
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		609.801.471	1.375.620.989
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16.1	715.586.346	596.070.325
4. Phải trả người lao động	314		13.520.794.949	6.563.976.937
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	52.568.567	56.013.759
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	2.509.332.021	4.334.813.524
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19.1	42.869.157.293	36.804.764.571
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.172.617.386	474.177.386
II. Nợ dài hạn	330		35.299.964.660	44.299.483.920
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		16.826.133.920	15.462.483.920
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19.2	18.473.830.740	28.837.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		107.804.554.151	99.944.214.838
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	107.804.554.151	99.944.214.838
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	55.680.000.000	55.680.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		55.680.000.000	55.680.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	6.024.502.460	6.024.502.460
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	18.697.189.166	18.697.189.166
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20a	27.402.862.525	19.542.523.212
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.758.523.212	16.081.429.972
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.644.339.313	3.461.093.240
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		225.513.265.693	227.084.040.885

Hải Phòng, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phạm Thị Hạnh

Phạm Thị Thu Trang

Nguyễn Trọng Thùy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND
Năm 2024


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	364.214.050.192	373.773.934.161
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	364.214.050.192	373.773.934.161
4. Giá vốn hàng bán	11	23	312.964.055.975	332.865.955.299
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		51.249.994.217	40.907.978.862
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	17.529.855	16.632.386
7. Chi phí tài chính	22	25	4.279.765.693	9.071.930.938
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.877.940.477	4.541.156.884
8. Chi phí bán hàng	25	26.1	5.897.500.475	4.967.518.266
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.2	26.414.643.268	23.285.272.141
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		14.675.614.636	3.599.889.903
11. Thu nhập khác	31	27	306.525.853	1.490.457.803
12. Chi phí khác	32	28	262.419.661	625.603.924
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		44.106.192	864.853.879
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.719.720.828	4.464.743.782
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	3.075.381.515	1.003.650.542
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		11.644.339.313	3.461.093.240

Công ty phải lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất nên thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 16 tháng 3 năm 2026
Tổng Giám đốc


Phạm Thị Hạnh

Phạm Thị Thu Trang

Nguyễn Trọng Thùy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2025

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND
Năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.719.720.828	4.464.743.782
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12	25.780.713.051	25.463.869.642
- Các khoản dự phòng	03		902.670.770	990.629.017
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	24	(17.529.855)	(1.277.664.939)
- Chi phí lãi vay	06	25	3.877.940.477	4.541.156.884
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		45.263.515.271	34.182.734.386
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(819.257.818)	11.158.558.109
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.303.332.096	(7.009.453.189)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5.634.319.735)	(15.111.348.671)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.598.064.976)	2.451.933.994
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.882.461.306)	(4.561.504.795)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(4.019.783.900)	(572.193.725)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(301.560.000)	(649.559.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.311.399.632	19.889.166.909
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(15.911.680.137)	(7.973.853.050)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.261.032.553
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	17.529.855	16.632.386
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.894.150.282)	(6.696.188.111)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		77.749.637.224	68.173.132.647
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(82.048.413.762)	(84.504.368.076)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.775.442.400)	(1.110.176.960)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.074.218.938)	(17.441.412.389)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		3.343.030.412	(4.248.433.591)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	3.752.030.573	8.000.464.164
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	5	7.095.060.985	3.752.030.573

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2025.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Hạnh

Phạm Thị Thu Trang

Nguyễn Trọng Thùy



Haiphong, 20 April, 2026

SUBMISSION
On the approval of the audited Financial Statements for 2025

Respectfully submitted to: The 2026 Annual General Meeting of Shareholders

Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated 17/06/2020; Law No. 76/2025/QH15 amending and supplementing a number of articles of the Law on Enterprises dated 17/06/2025;

Pursuant to the Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated 26/11/2019;

Pursuant to the Charter of Petrolimex Haiphong Transportation and Services Joint Stock Company;

Pursuant to the consolidated financial statements and the financial statements for 2025 audited by An Viet Auditing Co., Ltd.;

The Board of Directors respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for consideration and approval the consolidated financial statements and the financial statements for the fiscal year ended 31/12/2025 of the Company, which have been audited by An Viet Auditing Co., Ltd.

*(The full version has been published on the Company's website at
<https://ptshaiphong.petrokimex.com.vn>)*

For convenience of reference, the Board of Directors attaches to this Submission a summarized version of the financial statements for the fiscal year ended 31/12/2025 audited by An Viet Auditing Co., Ltd.

Respectfully submitted to the Annual General Meeting of Shareholders for consideration and approval.

ON BEHALF OF
THE BOARD OF DIRECTORS
Chairman

Recipients:

- Shareholders (for consultation/opinion);
- Board of Directors (BOD), Supervisory Board (SB);
- Filed at: Office of the Board of Directors' Secretariat.

Dao Thanh Liem

STATEMENT OF MANAGEMENT

Management of Petrolimex Haiphong Transportation and Services JSC ("the Company") presents this report together with the Company's audited consolidated financial statements for the year ended 31/12/2025.

Board of Management and Board of Directors

Members of the Board of Management and the Board of Directors of the Company who held office during the year and to the date of this report are as follows:

Board of Directors

Mr. Dao Thanh Liem	Chairman
Mr. Nguyen Trong Thuy	Member
Mr. Lam Viet Hong	Member
Mr. Trinh Chien Trinh	Member
Mr. Nguyen Minh Truong	Member

Board of Management

Mr. Nguyen Trong Thuy	General Director
Mr. Trinh Chien Chinh	Deputy General Director
Mr. Nguyen Minh Truong	Deputy General Director
Ms. Pham Thi Ngoc Anh	Deputy General Director

Management's responsibility

Management is responsible for preparing the consolidated financial statements for the year ended 31/12/2025, which give a true and fair view of the financial position of the Company and of its results and cash flows for the year. In preparing these consolidated financial statements, management is required to:

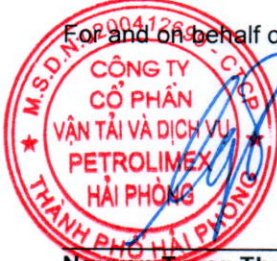
- Comply with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and the relevant statutory requirements applicable to consolidated financial reporting;
- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting principles have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the consolidated financial statements;
- Design and implement an effective internal control system for the purpose of properly preparing the consolidated financial statements so as to minimize errors and frauds; and
- Prepare the consolidated financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue its business.

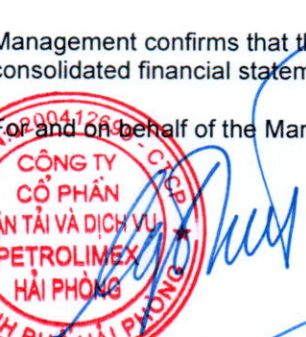
Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and to ensure that the consolidated financial statements comply with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System and the relevant statutory requirements. Management is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

STATEMENT OF MANAGEMENT (CONTINUED)

Management confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing these consolidated financial statements.

For and on behalf of the Management,





Nguyen Trong Thuy
General Director

Haiphong, 16 March 2026

No.: 32/2026/KT-AV3-TC

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

**To: The Shareholders, the Board of Management and the Board of Directors of
Petrolimex Haiphong Transportation and Services JSC**

We have audited the accompanying consolidated financial statements of Petrolimex Haiphong Transportation and Services JSC ("the Company"), which were prepared as at 16/3/2026, from pages 06 to 34, comprising the consolidated balance sheet as at 31/12/2025, the consolidated income statement, the consolidated cash flows statement for the year then ended and the notes thereto.

Management's Responsibility

Management is responsible for the preparation and fair presentation of the Company's consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese enterprise Accounting System and the relevant statutory requirements applicable to consolidated financial reporting, and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation and fair presentation of consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and standards of professional conduct, plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the consolidated financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of significant accounting estimates made by management, as well as the overall presentation of the consolidated financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Auditors' opinion

In our opinion, the consolidated financial statements give a true and fair view of, in all material respects, the financial position of Petrolimex Haiphong Transportation and Services JSC as at 31/12/2025 and the results of its operations and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese enterprise Accounting System and the relevant statutory requirements applicable to consolidated financial reporting.

Other issues

The Independent Auditors' Report is translated into English from Vietnamese version issued in Vietnam.



Vu Hoai Nam
Deputy General Director
Audit Practice Certificate No.:
1436-2023-055-1
For and on behalf of
AN VIET AUDITING COMPANY LIMITED
Haiphong, 16 March 2026

A blue ink signature, likely belonging to Nguyen Thi Thoa, written in a cursive style.

Nguyen Thi Thoa
Auditor
Audit Practice Certificate No.:
5264-2025-055-1

CONSOLIDATED BALANCE SHEET
As at 31/12/2025

Form B01 - DN/HN
Unit: VND

ITEMS	Codes	Notes	31/12/2025	01/01/2025
A. CURRENT ASSETS	100		47,221,109,957	44,773,330,824
I. Cash and cash equivalents	110		7,518,633,240	3,809,921,091
1. Cash	111	5	7,518,633,240	3,809,921,091
II. Short-term receivables	130		17,669,781,510	16,047,168,513
1. Short-term trade receivables	131	7.1	14,757,767,543	14,509,854,001
2. Short-term advances to suppliers	132		2,056,399,094	154,980,000
3. Other short-term receivables	136	6.1	1,949,411,183	1,467,402,301
4. Provision for short-term doubtful debts	137	8	(1,093,796,310)	(85,067,789)
III. Inventories	140		19,678,838,160	23,627,191,268
1. Inventories	141	10	19,678,838,160	23,627,191,268
IV. Other current assets	150		2,353,857,047	1,289,049,952
1. Short-term prepayments	151	12.1	338,743,513	318,948,957
2. Taxes and other receivables from the State budget	153	18.2	2,015,113,534	970,100,995
B. NON-CURRENT ASSETS	200		176,100,847,602	180,650,282,677
I. Long-term receivables	210		87,500,000	97,500,000
1. Long-term trade receivables	211	7.2	70,000,000	80,000,000
2. Other long-term receivables	216	6.2	17,500,000	17,500,000
II. Fixed assets	220		131,512,290,426	156,772,225,228
1. Tangible fixed assets	221	11	131,512,290,426	156,772,225,228
- Cost	222		389,964,329,537	389,535,221,539
- Accumulated depreciation	223		(258,452,039,111)	(232,762,996,311)
III. Long-term assets in progress	240		13,731,411,351	59,984,973
1. Long-term construction in progress	242	13	13,731,411,351	59,984,973
IV. Other long-term assets	260		30,769,645,825	23,720,572,476
1. Long-term prepayments	261	12.2	30,624,541,314	23,811,705,932
2. Deferred tax assets	262	14	145,104,511	(91,133,456)
TOTAL ASSETS (270=100+200)	270		223,321,957,559	225,423,613,501

CONSOLIDATED BALANCE SHEET (CONTINUED)
As at 31/12/2025

Form B01 - DN/HN
Unit: VND
01/01/2025

ITEMS	Codes	Notes	31/12/2025	01/01/2025
C. LIABILITIES	300		118,870,323,027	127,930,478,677
I. Current liabilities	310		83,570,358,367	83,630,994,757
1. Short-term trade payable	311	15	20,932,742,997	32,430,579,082
2. Short-term advances from customers	312		659,801,471	1,375,620,989
3. Taxes and other payables to the State budget	313	18.1	1,060,781,513	1,110,002,823
4. Payable to employees	314		14,073,318,474	6,889,435,645
5. Short-term accrued expenses	315	16	52,568,567	56,013,759
6. Other current payables	319	17	2,749,370,666	4,490,400,502
7. Short-term loans and obligations under finance leases	320	19.1	42,869,157,293	36,804,764,571
8. Bonus and welfare funds	322		1,172,617,386	474,177,386
II. Long-term liabilities	330		35,299,964,660	44,299,483,920
1. Long-term advances from customers	332		16,826,133,920	15,462,483,920
2. Long-term loans and finance lease liabilities	338	19.2	18,473,830,740	28,837,000,000
D. EQUITY	400		104,451,634,532	97,493,134,824
I. Owners' equity	410	20	104,451,634,532	97,493,134,824
1. Owners' contributed capital	411	20a	55,680,000,000	55,680,000,000
- Ordinary shares with voting rights	411a		55,680,000,000	55,680,000,000
2. Capital surplus	412	20	6,024,502,460	6,024,502,460
3. Investment and development fund	418	20	18,697,189,166	18,697,189,166
4. Undistributed profit after tax	421	20b	24,049,942,906	17,091,443,198
- Undistributed profit after tax brought forward	421a		13,221,335,302	13,270,134,087
- Undistributed profit after tax for the current period	421b		10,828,607,604	3,821,309,111
TOTAL RESOURCES (440=300+400)	440		223,321,957,559	225,423,613,501

Preparer



Pham Thi Hanh

Chief Accountant



Pham Thi Thu Trang



Haiphong, 16 March 2026
General Director

Nguyen Trong Thuy

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT
Year 2025

Form B02 - DN/HN

Unit: VND

ITEMS	Codes	Notes	Year 2025	Year 2024
1. Revenue from goods sold and services rendered	01	22	368,507,737,620	381,961,444,967
2. Deductions	02	22	-	-
3. Net revenue from goods sold and services rendered (10=01-02)	10	22	368,507,737,620	381,961,444,967
4. Cost of sales	11	23	315,633,674,540	338,592,682,078
5. Gross profit from goods sold and services rendered (20=10-11)	20		52,874,063,080	43,368,762,889
6. Financial income	21	24	18,217,707	17,460,664
7. Financial expenses	22	25	4,385,823,444	8,166,369,710
- In which: Interest expenses	23		3,877,940,477	4,541,156,884
8. Selling expenses	25	26.1	5,897,500,475	4,967,518,266
9. General and administrative expenses	26	26.2	28,988,686,904	25,991,281,516
10. Operating profit/(loss) {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		13,620,269,964	4,261,054,061
11. Other income	31	27	235,292,953	1,470,148,703
12. Other expenses	32	28	273,919,661	731,021,773
13. Profit/(loss) from other activities (40=31-32)	40		(38,626,708)	739,126,930
14. Accounting profit/(loss) before tax (50=30+40)	50		13,581,643,256	5,000,180,991
15. Current corporate income tax expense	51	30	3,075,381,515	1,050,517,507
16. Deferred tax expense/(income)	52	31	(322,345,863)	128,354,373
17. Net profit/(loss) after tax (60=50-51-52)	60		10,828,607,604	3,821,309,111
18. Net profit/(loss) after tax of parent company	61		10,828,607,604	3,821,309,111
19. Net profit/(loss) after tax of minority shareholders	62		-	-
20. Earnings per share	70	32	1,945	507

Preparer

Chief Accountant

Haiphong, 16 March 2026
General Director



Pham Thi Hanh



Pham Thi Thu Trang



Nguyen Trong Thuy

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT
(Indirect method)
Year 2025

Form B03 - DN/HN
Unit: VND
Year 2024

ITEMS	Codes	Notes	Year 2025	Year 2024
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit before tax	01		13,581,643,256	5,000,180,991
2. Adjustments for				
- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties	02	11	25,689,042,800	25,372,162,930
- Provisions	03	8	1,008,728,521	85,067,789
- Profits/losses from investing activities	05		(18,217,707)	(1,278,493,217)
- Interest expenses	06	25	3,877,940,477	4,541,156,884
3. Operating profit before changes in working capital	08		44,139,137,347	33,720,075,377
- (Increase)/decrease in receivables	09		(1,870,832,184)	10,955,032,811
- (Increase)/decrease in inventories	10		3,948,353,108	(6,315,989,992)
- Increase/(decrease) in payables	11		(4,284,291,168)	(15,849,076,259)
- (Increase)/decrease in prepayments	12		(6,832,629,938)	2,248,250,250
- Interest paid	14		(3,882,461,306)	(4,561,504,795)
- Corporate income tax paid	15	18	(4,019,783,900)	(619,060,690)
- Other cash outflows from operating activities	17		(301,560,000)	(649,559,200)
Net cash flows from operating activities	20		26,895,931,959	18,928,167,502
II. Cash flows from investing activities				
1. Payments for purchases and construction of fixed assets and other long-term assets	21		(16,131,218,579)	(7,990,310,235)
2. Proceeds from sales, disposals of fixed assets and other long-term assets	22		-	1,261,032,553
3. Interest and dividends received	27	24	18,217,707	17,460,664
Net cash flows from investing activities	30		(16,113,000,872)	(6,711,817,018)
III. Cash flows from financing activities				
1. Proceeds from borrowings	33		77,749,637,224	68,173,132,647
2. Repayments of borrowings	34		(82,048,413,762)	(84,504,368,076)
3. Dividends paid	36		(2,775,442,400)	(1,110,176,960)
Net cash flows from financing activities	40		(7,074,218,938)	(17,441,412,389)
Net increase/(decrease) in cash and cash equivalents (50=20+30+40)	50		3,708,712,149	(5,225,061,905)
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	60	5	3,809,921,091	9,034,982,996
Cash and cash equivalents at the end of the year (70=50+60)	70	5	7,518,633,240	3,809,921,091

The notes are applied for the figures in the current year.

Preparer



Pham Thi Hanh

Chief Accountant



Pham Thi Thu Trang

Haiphong, 16 March 2026
General Director



Nguyen Trong Thuy

STATEMENT OF MANAGEMENT

Management of Petrolimex Haiphong Transportation and Services JSC ("the Company") presents this report together with the Company's audited financial statements for the year ended 31/12/2025.

Board of Management and Board of Directors

Members of the Board of Management and the Board of Directors of the Company who held office during the year and to the date of this report are as follows:

Board of Directors

Mr. Dao Thanh Liem	Chairman
Mr. Nguyen Trong Thuy	Member
Mr. Lam Viet Hong	Member
Mr. Trinh Chien Trinh	Member
Mr. Nguyen Minh Truong	Member

Board of Management

Mr. Nguyen Trong Thuy	General Director
Mr. Trinh Chien Chinh	Deputy General Director
Mr. Nguyen Minh Truong	Deputy General Director
Ms. Pham Thi Ngoc Anh	Deputy General Director

Management's responsibility

Management is responsible for preparing the financial statements for the year ended 31/12/2025, which give a true and fair view of the financial position of the Company and of its results and cash flows for the year. In preparing these financial statements, management is required to:

- Comply with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting;
- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting principles have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the financial statements;
- Design and implement an effective internal control system for the purpose of properly preparing the financial statements so as to minimize errors and frauds; and
- Prepare the financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue its business.

Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and to ensure that the financial statements comply with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Corporate Accounting System and the relevant statutory requirements. Management is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

STATEMENT OF MANAGEMENT (CONTINUED)

Management confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing these financial statements.

For and on behalf of the Management,



Nguyen Trong Thuy
General Director

Haiphong, 16 March, 2026

No.: 31/2026/KT-AV3-TC

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

**To: The Shareholders, the Board of Management and the Board of Directors of
Petrolimex Haiphong Transportation and Services JSC**

We have audited the accompanying financial statements of Petrolimex Haiphong Transportation and Services JSC ("the Company"), which were prepared as at 16/3/2026, from pages 06 to 32, comprising the balance sheet as at 31/12/2025, the income statement, the cash flow statement for the year then ended and the notes thereto.

Management's Responsibility

Management is responsible for the preparation and fair presentation of the Company's financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese enterprise Accounting System and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting, and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation and fair presentation of financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and standards of professional conduct, plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of significant accounting estimates made by management, as well as the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Auditors' opinion

In our opinion, the financial statements give a true and fair view of, in all material respects, the financial position of Petrolimex Haiphong Transportation and Services JSC as at 31/12/2025 and the results of its operations and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese enterprise Accounting System and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

Other issues

The Independent Auditors' Report is translated into English from Vietnamese version issued in Vietnam.



Vu Hoai Nam
Deputy General Director
Audit Practice Certificate No.:
1436-2023-055-1
For and on behalf of
AN VIET AUDITING COMPANY LIMITED
Haiphong, 16 March, 2026

A blue ink signature, likely belonging to Nguyen Thi Thoa, written in a cursive style.

Nguyen Thi Thoa
Auditor
Audit Practice Certificate No.:
5264-2025-055-1

BALANCE SHEET As at 31/12/2025				Form B01 - DN Unit: VND
ITEMS	Codes	Notes	31/12/2025	01/01/2025
A. CURRENT ASSETS	100		43,728,666,466	41,816,884,457
I. Cash and cash equivalents	110		7,095,060,985	3,752,030,573
1. Cash	111	5	7,095,060,985	3,752,030,573
II. Short-term receivables	130		15,055,626,139	14,248,349,541
1. Short-term trade receivables	131	7.1	12,252,508,536	12,736,435,029
2. Short-term advances to suppliers	132		2,056,202,730	154,980,000
3. Other short-term receivables	136	8.1	1,840,711,183	1,442,002,301
4. Provision for short-term doubtful debts	137	9	(1,093,796,310)	(85,067,789)
III. Inventories	140		19,244,941,450	22,548,273,546
1. Inventories	141	11	19,244,941,450	22,548,273,546
IV. Other current assets	150		2,333,037,892	1,268,230,797
1. Short-term prepayments	151	13.1	338,743,513	318,948,957
2. Taxes and other receivables from the State budget	153	16.2	1,994,294,379	949,281,840
B. NON-CURRENT ASSETS	200		181,784,599,227	185,267,156,428
I. Long-term receivables	210		87,500,000	97,500,000
1. Long-term trade receivables	211	7.2	70,000,000	80,000,000
2. Other long-term receivables	216	8.2	17,500,000	17,500,000
II. Fixed assets	220		132,724,821,905	158,076,426,958
1. Tangible fixed assets	221	12	132,724,821,905	158,076,426,958
- Cost	222		389,948,811,714	389,519,703,716
- Accumulated depreciation	223		(257,223,989,809)	(231,443,276,758)
III. Long-term assets in progress	240		14,254,704,654	59,984,973
1. Long-term construction in progress	242	14	14,254,704,654	59,984,973
IV. Long-term investments	250		2,353,168,679	2,247,110,928
1. Investments in subsidiaries	251	6.1	5,000,000,000	5,000,000,000
2. Provision for impairment of long-term financial investments	254	6.2	(2,646,831,321)	(2,752,889,072)
V. Other long-term assets	260		32,364,403,989	24,786,133,569
1. Long-term prepayments	261	13.2	32,364,403,989	24,786,133,569
TOTAL ASSETS (270=100+200)	270		225,513,265,693	227,084,040,885

BALANCE SHEET (CONTINUED)

As at 31/12/2025

Form B01 - DN
Unit: VND
01/01/2025

ITEMS	Codes	Notes	31/12/2025	01/01/2025
C. LIABILITIES	300		117,708,711,542	127,139,826,047
I. Current liabilities	310		82,408,746,882	82,840,342,127
1. Short-term trade payable	311	15	20,958,888,849	32,634,904,636
2. Short-term advances from customers	312		609,801,471	1,375,620,989
3. Taxes and other payables to the State budget	313	16.1	715,586,346	596,070,325
4. Payable to employees	314		13,520,794,949	6,563,976,937
5. Short-term accrued expenses	315	17	52,568,567	56,013,759
6. Other current payables	319	18	2,509,332,021	4,334,813,524
7. Short-term loans and obligations under finance leases	320	19.1	42,869,157,293	36,804,764,571
8. Bonus and welfare funds	322		1,172,617,386	474,177,386
II. Long-term liabilities	330		35,299,964,660	44,299,483,920
1. Long-term advances from customers	332		16,826,133,920	15,462,483,920
2. Long-term loans and obligations under finance leases	338	19.2	18,473,830,740	28,837,000,000
D. EQUITY	400		107,804,554,151	99,944,214,838
I. Owners' equity	410	20	107,804,554,151	99,944,214,838
1. Owners' contributed capital	411	20	55,680,000,000	55,680,000,000
- Ordinary shares with voting rights	411a		55,680,000,000	55,680,000,000
2. Share premium	412	20	6,024,502,460	6,024,502,460
3. Investment and development fund	418	20	18,697,189,166	18,697,189,166
4. Undistributed earnings	421	20a	27,402,862,525	19,542,523,212
- Undistributed earnings accumulated to the prior period end	421a		15,758,523,212	16,081,429,972
- Undistributed earnings of the current period	421b		11,644,339,313	3,461,093,240
TOTAL RESOURCES (440=300+400)	440		225,513,265,693	227,084,040,885

Preparer



Pham Thi Hanh

Chief Accountant



Pham Thi Thu Trang



Haiphong, 16 March, 2026
General Director

Nguyen Trong Thuy

INCOME STATEMENT
Year 2025

Form B02 - DN
Unit: VND

ITEMS	Codes	Notes	Year 2025	Year 2024
1. Revenue from goods sold and services rendered	01	22	364,214,050,192	373,773,934,161
2. Deductions	02	22	-	-
3. Net revenue from goods sold and services rendered (10=01-02)	10	22	364,214,050,192	373,773,934,161
4. Cost of sales	11	23	312,964,055,975	332,865,955,299
5. Gross profit from goods sold and services rendered (20=10-11)	20		51,249,994,217	40,907,978,862
6. Financial income	21	24	17,529,855	16,632,386
7. Financial expenses	22	25	4,279,765,693	9,071,930,938
- In which: Interest expenses	23		3,877,940,477	4,541,156,884
8. Selling expenses	25	26.1	5,897,500,475	4,967,518,266
9. General and administrative expenses	26	26.2	26,414,643,268	23,285,272,141
10. Operating profit/(loss) {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		14,675,614,636	3,599,889,903
11. Other income	31	27	306,525,853	1,490,457,803
12. Other expenses	32	28	262,419,661	625,603,924
13. Profit/(loss) from other activities (40=31-32)	40		44,106,192	864,853,879
14. Accounting profit/(loss) before tax (50=30+40)	50		14,719,720,828	4,464,743,782
15. Current corporate income tax expense	51	30	3,075,381,515	1,003,650,542
16. Deferred tax expense/(income)	52		-	-
17. Net profit/(loss) after tax (60=50-51-52)	60		11,644,339,313	3,461,093,240

The Company prepares both the separate financial statements and the consolidated financial statements, so the information about the earnings per share is presented in the consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 30 - Earnings per share.

Preparer



Pham Thi Hanh

Chief Accountant



Pham Thi Thu Trang

Haiphong, 16 March, 2026

General Director



Nguyen Trong Thuy

CASH FLOW STATEMENT
(Indirect method)
Year 2025

Form B03 - DN
Unit: VND
Year 2024

ITEMS	Codes	Notes	Year 2025	Year 2024
I. Cash flows from operating activities				
1. Profit before tax	01		14,719,720,828	4,464,743,782
2. Adjustments for:				
- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties	02	12	25,780,713,051	25,463,869,642
- Provisions	03		902,670,770	990,629,017
- (Profits)/losses from investing activities	05	24	(17,529,855)	(1,277,664,939)
- Interest expenses	06	25	3,877,940,477	4,541,156,884
3. Operating profit before changes in working capital	08		45,263,515,271	34,182,734,386
- (Increase)/decrease in receivables	09		(819,257,818)	11,158,558,109
- (Increase)/decrease in inventories	10		3,303,332,096	(7,009,453,189)
- Increase/(decrease) in payables	11		(5,634,319,735)	(15,111,348,671)
- (Increase)/decrease in prepayments	12		(7,598,064,976)	2,451,933,994
- Interest paid	14		(3,882,461,306)	(4,561,504,795)
- Corporate income tax paid	15	16	(4,019,783,900)	(572,193,725)
- Other cash outflows from operating activities	17		(301,560,000)	(649,559,200)
Net cash flows from operating activities	20		26,311,399,632	19,889,166,909
II. Cash flows from investing activities				
1. Payments for purchases and construction of fixed assets and other long-term assets	21		(15,911,680,137)	(7,973,853,050)
2. Proceeds from sales, disposals of fixed assets and other long-term assets	22		-	1,261,032,553
3. Interest and dividends received	27	24	17,529,855	16,632,386
Net cash flows from investing activities	30		(15,894,150,282)	(6,696,188,111)
III. Cash flows from financing activities				
1. Proceeds from borrowings	33		77,749,637,224	68,173,132,647
2. Repayments of borrowings	34		(82,048,413,762)	(84,504,368,076)
3. Dividends paid	36		(2,775,442,400)	(1,110,176,960)
Net cash flows from financing activities	40		(7,074,218,938)	(17,441,412,389)
Net increase/(decrease) in cash and cash equivalents (50=20+30+40)	50		3,343,030,412	(4,248,433,591)
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	60	5	3,752,030,573	8,000,464,164
Cash and cash equivalents at the end of the year (70=50+60)	70	5	7,095,060,985	3,752,030,573

The notes are applied for the figures in the current year.

Preparer



Pham Thi Hanh

Chief Accountant



Pham Thi Thu Trang

Haiphong, 16 March, 2026

General Director



Nguyen Trong Thuy